



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÁCH KHOA
PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG, LAS-XD262
212B/34 Nguyễn Trãi, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028.6278.0262 - Email: info@bcic.com.vn - Website: www.bcic.com.vn

DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
1.	Máy kéo, nén, uốn 1000 kN	WEW-1000B	Lực kéo lớn nhất 1000kN; Độ phân giải 0.01kN.	1
2.	Máy nén ELE 3000 kN	ADR3000 1886-1-3086	Phạm vi đo 0-1000 kN; 1000-3000 kN; Độ phân giải 0,1kN; 1kN	1
3.	Máy nén 300 kN	TYA-300 Ms: 077	Khả năng nén 3000kN; Độ phân giải 0.1kN;1kN	1
4.	Máy thử nén 50kN	UTC-50	Phạm vi đo 0-50 kN; Độ phân giải 0,01kN	1
5.	Máy thí nghiệm vạn năng 100kN thiết bị thử vải địa	WDW-100-TQ	Phạm vi đo: 0-100 kN	1
6.	Áp kế lò xo – Máy thử thấm	HS-40 Ms: 140613	Áp suất cao nhất: 4MPa Giá trị vạch chia 0.05MPa	1
7.	Thiết bị thử thấm đất, cát bằng cột nước không đổi		Phù hợp theo tiêu chuẩn ASTM D2434	1
8.	Máy thử Vebe	HYC-A	Tần số rung 2900rpm Biên độ rung 0,43 mm	1
9.	Máy thử thấm vải địa		Phù hợp theo TCVN 8487:2010	1
10.	Máy xác định áp lực kháng bụi vải địa	FY	Phù hợp theo TCVN 8871-5:2011	1
11.	Máy kiểm tra chất lượng cọc bằng PP thử động biến dạng lớn (PDA)	PDI-USA Ms: 5254LE	Đáp tuyến tần số 2,5 kHz Bộ chuyển đổi A/D: 16 bit, tốc độ lấy mẫu tới 10,24MHz Ghi tín hiệu: Số hóa, cỡ file 1K, 2K hoặc 4K	1
12.	Máy kiểm tra chất lượng cọc bằng PP thử động biến dạng nhỏ (PIT)	PDI-USA Ms: 4937CF	Độ phân giải 680x480 pixels Tần số 22kHz (-3dB)	1



STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
13.	Súng bột nẩy	HT-255A Ms: 13524071008	Phạm vi đo: 10-70 MPa (10-100)R Giá trị vạch chia: 2R	1
14.	Máy đo vết nứt	ZBL-F130 Ms: F51804033N	Phạm vi đo: 0-10mm Giá trị vạch chia: 0.01mm	1
15.	Máy siêu âm bê tông	MATEST Ms: C369A/AG/0034	Phạm vi đo: 0-3000ms; Độ phân giải: 0.1ms	1
16.	Cảm biến và bộ chỉ thị (Cân treo)	OCS-XZ 5T Ms: 2305065	Phạm vi đo 5000 kg; Độ phân giải 2 kg	1
17.	Cảm biến và bộ chỉ thị (Loadcell)	PRECIA Ms: 708029-056	Phạm vi đo 0-400 kN; Độ phân giải 0.01 kN	1
18.	Thiết bị kiểm tra mối hàn bằng phương pháp từ tính	B-100S Ms: 7084	Sức nâng: 4.54 kg Khẩu độ kiểm tra: tùy chỉnh	1
19.	Máy dò khuyết tật bằng sóng siêu âm	A1211 Mini Ms: 3160757	Phạm vi phát hiện 7-900 mm Vận tốc sóng 1000-14499m/s Dải khuếch đại 0-80dB Tần số 0,5-15MHz	1
20.	Máy quay camera soi lòng cọc	OUTECH Ms: 99100920181707	Kiểu quay: 360o Phạm vi đo 0-50m	1
21.	Máy đo độ dày bằng sóng siêu âm	TG-3000	Phạm vi đo 0-300mm; Độ phân giải 0,1mm	1
22.	Máy siêu âm đa năng kiểm tra cốt thép trong bê tông	HC-GY81	Thang đo nhỏ đến 100mm; Thang đo lớn đến 188mm; Độ chính xác ± 2 mm	1
23.	Máy đo bề dày lớp phủ	TG8829FN	Phạm vi đo: 0-99mm; 100-1250mm; Độ phân giải: 0.1mm, 1.0mm	1
24.	Thiết bị siêu âm khuyết tật mối hàn kim loại	ECHO PRO Ms: 05078286		1
25.	Thiết bị kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm	ACSYS Ms: 3160757	Dải đo đến: 900m; Vận tốc: 1000-15000 m/s; Dải tần số: 0.5-15.0 MHz	1

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
26.	Máy mài mòn đá ốp lát	SM-4	Tốc độ quay của đĩa mài và mẫu: 45±1 vòng/phút; Phạm vi kiểm soát: 0÷9999 vòng/phút.	1
27.	Thước kẹp điện tử	MITUTOYO Ms: A23429049	Phạm vi đo: 0-150mm Giá trị vạch chia: 0,01mm	1
28.	Thiết bị thử thấm gạch		Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 6477 - 2016	1
29.	Bộ chia mẫu 2 inch			1
30.	Thiết bị xác định hàm lượng bọt khí của vữa tươi		Phù hợp tiêu chuẩn ASTM C231	1
31.	Dụng cụ thử va đập kính		Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 7368:2013	1
32.	Dụng cụ thử bi rơi kính		Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 7368:2013	1
33.	Tủ sấy	HN 101-1A Ms: 4125	Phạm vi nhiệt độ 0-300°C; Độ phân giải 1°C	1
34.	Dụng cụ thí nghiệm Bentonite		Phù hợp theo TCVN 11893:2017	1
35.	Máy đo độ cứng (Cường độ thép)	LEEB Uee912	Chỉ thị độ cứng HLD; Phạm vi đo 170-960 HLD; Độ phân giải 1 HLD	1
36.	Máy mài mòn Los Angeles		Theo tiêu chuẩn ASTM C131-06	1
37.	Tỷ trọng kế	3020FG100/20-qp	Phạm vi đo 0,999-1,201 g/cm ³ Giá trị vạch chia 0,001 g/cm ³	1
38.	Máy thí nghiệm CBR hiện trường	LCB-2		1
39.	Máy trộn vữa, xi măng	JJ-5 Ms: 5008	Theo tiêu chuẩn ASTM C505 AASHTO T162	1
40.	Cần benkelman		Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 8867:2011	1
41.	Máy đầm tạo mẫu nhựa đường tự động	YZ-5B		1
42.	Bình xác định hàm lượng bụi, bùn, sét cát		Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 7570:2006	1

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
	đá			
43.	Thuốc kiểm tra hàm lượng thoi dẹt		Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 7570:2006	1
44.	Lò nung	SX 5-12	Nhiệt độ nung tối đa 1000°C; Độ chính xác ±1°C	1
45.	Thiết bị đo độ mịn xi măng theo phương pháp Air Blaine	DBT-127	Phù hợp tiêu chuẩn GB8074, ASTM C204, BS4359-2	1
46.	Bút thử độ pH	Trans-Singapore		1
47.	Bộ test kit thử bùn	OFITE-USA	Thí nghiệm độ nhớt, tỷ trọng, pH và hàm lượng cát	1
48.	Thiết bị đo áp suất C116-09N	MATEST		1
49.	Bể ổn định Marshall	DHC-57 Ms: 22034	Phạm vi nhiệt độ 0-100°C; Độ phân giải 1°C	1
50.	Thiết bị xác định độ lún của nhựa đường	SZR-3 Ms: 202502022	Phạm vi đo 0-50 mm; Độ phân giải 0,01 mm	1
51.	Thiết bị hóa mềm nhựa tự động	SYD-2806 Ms: 202502013	Phạm vi nhiệt độ 0-100°C; Độ phân giải 1°C	1
52.	Máy kiểm tra độ nhớt tuyệt đối của nhựa đường	WSY-80 Ms: 7070	Phạm vi nhiệt độ 0-200°C; Độ phân giải 1°C	1
53.	Thiết bị kiểm tra độ giãn dài của nhựa đường	SY-1.5 Ms: 230318	Phạm vi nhiệt độ 0-50°C; Độ phân giải 1°C; Chiều dài kéo lớn nhất 1500 mm Tốc độ kéo 50,8 mm/phút	1
54.	Máy kiểm tra nhiệt độ bốc cháy của nhựa đường	SYD-3536 Ms: 5097	Phạm vi nhiệt độ 0-360°C; Giá trị vạch chia: 2°C	1
55.	Máy xác định nhanh hàm lượng ion Clorua	CLU-B		1
56.	Máy đo lực căng cáp	Quick-check	Cỡ cáp 7,94mm; 9,52mm; 12,7mm	1
57.	Cờ lê lực		Phạm vi 27~135 Nm / 19.9~99.6 ft.lb / 239~1195 lb.in / 2.75~13.76 kgf.m Sai số CW ±2% và CCW ±3%	1

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
			Độ phân giải 0.1 Nm, 0.1 ft.lb, 0.01 kgf.m, 1.0 lb.in	
58.	Thiết bị đo điện trở đất	KYORITSU 4105A	Dải đo: 20/200/2000Ω	1
59.	Thiết bị đo độ ồn	TM-103	Dải đo 30-130dB; Độ phân giải 0.1dB	1
60.	Thiết bị đo độ rung động	ST-140D	Tần số cao thấp tương ứng: 1K-5KHz / 10Hz-1KHz	1
61.	Máy lắc	8411 Ms: 1400	Theo tiêu chuẩn EN 932-5; ISO3310-1	1
62.	Máy quay ly tâm		Tốc độ quay đến 3600 rpm	1
63.	Áp kế lò xo		Áp suất lớn nhất 60MPa Giá trị độ chia 2 Mpa	1
64.	Áp kế lò xo		Áp suất lớn nhất 1000 bar Giá trị độ chia 20 bar	1
65.	Máy đầm mẫu CBR tự động	DZY-II Ms: 24125	Phù hợp ASTM D1883; AASHTO T99; AASHTO T180	1
66.	Bộ dụng cụ Vika và đồng kết xi măng			1
67.	Thước Căn lá		Phạm vi đo 0,05-1mm	1
68.	Thước đo góc vạn năng		Phạm vi góc đo 0-180° Chiều dài đo 0-100mm	1
69.	Cân đĩa	UWA-S Ms: 25A08071	Mức cân lớn nhất 30kg Mức cân nhỏ nhất 4 g Giá trị vạch chia nhỏ nhất 0,2g	1
70.	Cân đĩa	VIBRA TPS15	Mức cân lớn nhất 15kg Mức cân nhỏ nhất 10 g Giá trị vạch chia nhỏ nhất 0,5g	1
71.	Cân kỹ thuật	ARC 120 Ms: 1228150095	Mức cân lớn nhất 3100g Mức cân nhỏ nhất 0,5 g Giá trị vạch chia nhỏ nhất 0,01 g	1
72.	Cân phân tích	AB-FPA214 Ms: A2502181	Mức cân lớn nhất 210g Mức cân nhỏ nhất 100 mg Giá trị vạch chia nhỏ nhất 0,1 mg	1

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
73.	Bộ chày cốt tiêu chuẩn, cải tiến		Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 12790:2020	1
74.	Bộ dụng cụ thí nghiệm độ chặt hiện trường			1
75.	Thiết bị thử độ co ngót bê tông			1
76.	Thiết bị đo độ cứng Shore A			1
77.	Máy đầm Proctor			1
78.	Bình hút ẩm			1
79.	Thước đo bằng phẳng 3m			1
80.	Côn thử độ sụt bê tông			1
81.	Bảng so mẫu chuẩn cốt liệu			1
82.	Phiếu xác định thể tích xốp cốt liệu			1
83.	Máy siêu âm chiều dày thép			1
84.	Thiết bị Le Chatelier			1
85.	Nhiệt kế đo nhiệt độ bê tông			1
86.	Bàn giằng vữa xi măng			1
87.	Bình xác định khối lượng riêng			1
88.	Cảm biến và chỉ thị lực (Thiết bị thử độ bám dính)	NS1-500kg Ms: E5900517	Phạm vi đo 0-500kg Độ phân giải 0.1kg	1
89.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 100kN	N/A	Phạm vi đo: 100kN; ĐH áp suất: 0-600 kg/cm ² ; Giá trị vạch chia: 10kg/cm ²	1
90.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 200kN	N/A	Phạm vi đo: 200kN; ĐH áp suất: 0-600 kg/cm ² ; Giá trị vạch chia: 10kg/cm ²	1
91.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 300kN	N/A	Phạm vi đo: 300kN; ĐH áp suất: 0-600 kg/cm ² ;	1

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
			Giá trị vạch chia: 10kg/cm ²	
92.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 500kN	N/A Ms: 141606	Phạm vi đo: 500kN; ĐH áp suất: 0-600 kg/cm ² ; Giá trị vạch chia: 10kg/cm ²	1
93.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 600kN	HHYG-60100K Ms: 262-27	Phạm vi đo: 600kN; ĐH áp suất: 0-1000 kg/cm ² ; Giá trị vạch chia: 20kg/cm ²	1
94.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 1500kN	NP-4 Ms: LAS XD262/40	Phạm vi đo: 1500kN; ĐH áp suất: 0-1000 kg/cm ² ; Giá trị vạch chia: 20kg/cm ²	1
95.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 2500kN	N/A Ms: 262-44	Phạm vi đo: 2500kN; ĐH áp suất: 0-600 kg/cm ² ; Giá trị vạch chia: 10kg/cm ²	1
96.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 4500kN	N/A Ms: BCIC-02	Phạm vi đo: 4500kN; ĐH áp suất: 0-400 bar, Giá trị vạch chia: 10 bar	1
97.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 8500kN	N/A Ms: 0910091	Phạm vi đo: 8500kN; ĐH áp suất: 0-1000 kg/cm ² , Giá trị vạch chia: 20 kg/cm ²	1
98.	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất 10000kN	N/A Ms: BC 009	Phạm vi đo: 10000kN; ĐH áp suất: 0-1000 kg/cm ² , Giá trị vạch chia: 20 kg/cm ²	1
99.	Đồng hồ so đo chuyển vị	N/A	Phạm vi đo 0-100mm Giá trị vạch chia 0,01mm	4
100.	Đồng hồ so đo chuyển vị	N/A	Phạm vi đo 0-50mm Giá trị vạch chia 0,01mm	8
101.	Máy đo áp lực lỗ rỗng	GK-404 Ms: 1834245	Phạm vi đo gia tốc 0-10 m/s ² Phạm vi đo chuyển vị 0-50 mm	1
102.	Máy đo chuyển vị ngang Inclinometer	GK-604D-50M Ms: 1825756, 1825445	Phạm vi đo ± 0,025mm/500mm Độ chính xác 3mm/50m	1
103.	Máy đo mực nước ngầm	RWL-100 Ms: 11714	Độ chính xác ≤ 1cm/100m	1
104.	Máy thủy bình điện tử LEICA DNA03	LEICA Ms: 349078	Độ chính xác trên 1km đo đi - về ± 0,3mm Độ nhạy bọt thủy 8'/2mm Khoảng bù nghiêng ± 10'	1

77
TY
AN
:D
:G
0A
CHI

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
105.	Máy toàn đạc điện tử LEICA TS06PLUS	LEICA Ms: 1413917	Độ chính xác đo góc $\pm 2''$ Góc chia nhỏ nhất 0,1" Độ chính xác đo cạnh \pm (1,5mm + 2 ppm)	1

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, thước, thiết bị đo lường dung tích, khuôn đúc, tải trọng chuẩn, hóa chất, v.v... và hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác;
- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng quy định.

Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Kiểm Định Xây Dựng Bách Khoa chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Ký tên, đóng dấu)